

Số: *121* /2020/CBTT-BCTN

Hà Nội, ngày *17* tháng 03 năm 2020

V/v: Công bố thông tin về báo cáo
thường niên năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI**
2. Mã chứng khoán: **TVH**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12 tháp Tây Hancorp Plaza, 72 đường Trần Đăng Ninh, Phương Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
4. Điện thoại: 024.37545293 Fax: 024. 37566892
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Trung Kiên
6. Chức vụ: Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
7. Điện thoại cơ quan: 024. 32191098
8. Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
9. Nội dung thông tin công bố:
- Công bố Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty
10. Địa chỉ website đăng tải nội dung: <http://cmbvn.com.vn/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: TCHC, Thư ký Cty

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng giám đốc



Phạm Trung Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

-----***-----

Tầng 12 tháp Tây Hancorp Plaza, 72 đường Trần Đăng Ninh,
Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Website: www.cmbvn.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI
Năm 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0200119411** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2004; đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 16/09/2019;

- Vốn điều lệ (tính đến ngày 31/12/2019): **40.040.000.000 đồng**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến ngày 31/12/2019): **40.040.000.000 đồng**

- Địa chỉ: Tầng 12 tháp Tây Hancorp Plaza, 72 đường Trần Đăng Ninh, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Số điện thoại: 024.37545293

Số fax: 024.37566892

- Website: www.cmbvn.com.vn

- Mã cổ phiếu: **TVH**

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải (CMB) được thành lập từ năm 1966 thuộc Cục Hàng hải Việt Nam, chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Quyết định số 4039/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và chuyển về làm thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) tại Quyết định số 1808/QĐ-BGTVT ngày 21/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0200119411 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12/10/2004 với vốn điều lệ là 7,0 tỷ đồng, trong đó vốn của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam 51%, vốn của các cổ đông cá nhân khác chiếm 49%.

Năm 2009, CMB thay đổi vốn điều lệ của CMB là 7,7 tỷ đồng, trong đó Tổng công ty Hàng hải Việt Nam nắm giữ 49% vốn điều lệ (tương ứng 3,773 tỷ đồng), các cổ đông cá nhân khác nắm giữ 51% vốn điều lệ (tương ứng 3,927 tỷ đồng).

Năm 2016, CMB tăng vốn điều lệ lên thành 40,04 tỷ đồng, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nắm giữ 49% vốn điều lệ (tương ứng 19.619.600.000 đồng), các cổ đông khác nắm giữ 51% vốn điều lệ (tương ứng 20.420.400.000 đồng).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình cảng, đường thủy, giao thông, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

- Địa bàn kinh doanh: Trên phạm vi cả nước, Công ty có trụ sở chính tại Hà Nội và có các Chi nhánh tại thành phố Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị: Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Ban điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Hiện nay, Ban điều hành Công ty có một (01) Tổng giám đốc, (04) Phó tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm (Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc).

- Tổng giám đốc: là người đại diện theo pháp luật, điều hành chung toàn bộ hoạt động của Công ty theo chức năng nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ Công ty, trực tiếp phụ trách các công việc liên quan đến công tác cán bộ, tổ chức, tiền lương, tuyển dụng lao động; kế hoạch, đầu tư; tài chính; thi đua khen thưởng, kỷ luật;

- Các Phó tổng giám đốc: giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, thực hiện từng lĩnh vực công tác và theo dõi một số đơn vị được Tổng giám đốc phân công, được sử dụng quyền hành của Tổng giám đốc để giải quyết các công việc và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các quyết định của mình.

- Kế toán trưởng công ty: Giúp việc cho Tổng giám đốc trong công tác quản lý tài chính, kế toán của Công ty.

- Giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP.Hải Phòng: Trực tiếp giải quyết và điều hành hoạt động của Chi nhánh Công ty tại thành phố Hải Phòng theo uỷ quyền của Tổng giám đốc, theo quy chế hoạt động của Chi nhánh và điều lệ hoạt động của Công ty

- Giám đốc Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh: Trực tiếp giải quyết và điều hành hoạt động của Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh theo uỷ quyền của Tổng giám đốc, theo quy chế hoạt động của Chi nhánh và điều lệ hoạt động của Công ty.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

| STT | Tên công ty | Địa chỉ | Tỉ lệ nắm giữ cổ phần của công ty |
|-----|--|---|-----------------------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Số Một | Số 123 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại: (84) 28 35106937 Fax: (84) 28 35106927 | 25% |
| 2 | Công ty Cổ phần cảng An Giang | Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang Điện thoại: (84) 296 3831447 Fax: (84) 296 3831129 - Email: cangmythoi@gmail.com - Website: www.angiangport.com.vn | 1,37% |
| 3 | Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn | Số 2, đường Phan Chu Trinh, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định Điện thoại: (84) 256 3893888 Fax: (84) 256 3893888 - Email: info@quynhonnewport.vn - Website: www.quynhonnewport.vn | 0,93% |
| 4 | Công ty Cổ phần Tân cảng 189 | Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng Điện thoại: (84) 225 6527386 Fax: (84) 225 3260466 | 3% |

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Trở thành nhà tư vấn đầu tư xây dựng công trình cảng - đường thủy, giao thông, dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật hàng đầu Việt Nam;

- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông tại Công ty;

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Duy trì vị trí là đơn vị tư vấn hàng đầu trong lĩnh vực cảng – đường thủy, công trình hàng hải; nghiên cứu, bổ sung ngành nghề mới có liên quan, hỗ trợ cho lĩnh vực tư vấn chính trên nguyên tắc ổn định, có hiệu quả, giữ vững và thu hút được người lao động;

- Ổn định sản xuất kinh doanh, ổn định doanh thu, kinh doanh có lãi; vốn chủ sở hữu được bảo toàn, phát triển; đảm bảo quyền lợi của các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; thực hiện sản xuất, kinh doanh đúng quy định của pháp luật;

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ tư vấn có chất lượng mang lại hiệu quả cho các nhà đầu tư, khách hàng.

- Môi trường làm việc thân thiện và hiệu quả cao, có đạo đức nghề nghiệp và có nhiệt huyết xây dựng Công ty.

6. Các rủi ro:

- Triển vọng phát triển thị trường tư vấn liên quan đến lĩnh vực cảng - đường thủy trong thời gian tới sẽ hạn chế, gặp nhiều khó khăn;

- Dự án đầu tư của các tập đoàn tư nhân giảm về số lượng, quy mô, tính khả thi của các dự án do đây là lĩnh vực đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn kéo dài, tỷ suất lợi nhuận thấp;

- Dự án có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục được triển khai, nhưng công ty sẽ phải đối diện với mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt của các đơn vị tư vấn trong và ngoài nước;

- Việc mở rộng thị trường khu vực cũng gặp khó khăn do mỗi tập đoàn kinh tế lớn của nước ngoài đều có các đơn vị tư vấn truyền thống, bên cạnh đó còn có các rào cản về luật pháp quốc tế;

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Tổng hợp kết quả các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | KH 2019 | TH 2019 | TH 2018 | So sánh TH 2019 /KH 2019 | So sánh TH 2019/ TH 2018 |
|----|--|----------------|----------------|----------------|--------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 113.000 | 118.101 | 112.420 | 104,51% | 105,05% |
| - | <i>Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính</i> | | <i>100.079</i> | <i>94.048</i> | | |
| - | <i>Doanh thu hoạt động tài chính</i> | | <i>17.575</i> | <i>16.017</i> | | |
| - | <i>Thu nhập khác</i> | | <i>446</i> | <i>2.354</i> | | |
| 2 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 24.000 | 25.521 | 23.524 | 106,34% | 108,50% |
| - | <i>LN từ hoạt động kinh doanh</i> | | <i>25.116</i> | <i>23.416</i> | | |
| - | <i>LN khác</i> | | <i>404</i> | <i>108</i> | | - |

1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019:

- Tổng doanh thu đạt 118,101 tỷ đồng, bằng 105,05% so với thực hiện năm 2018, tăng 4,51% so với kế hoạch năm 2019.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 25,521 tỷ đồng, bằng 108,50% so với thực hiện năm 2018, tăng 6,34% so với kế hoạch năm 2019.

- Nộp ngân sách nhà nước năm 2019 là 18,684 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

| STT | Danh sách Ban điều hành (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác) | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|-----|---|--|
| 1 | Ông Phạm Trung Kiên - Chức vụ: Tổng giám đốc - Ngày tháng năm sinh: 03/11/1972 - Số CCCD: 031072004877 cấp ngày 25/09/2017 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cảng - đường thủy; Tiến sỹ kỹ thuật - Tóm tắt quá trình công tác: + Tháng 9/1994 ÷ 03/2006: Kỹ sư thiết kế, Phó phòng thiết kế, Trưởng phòng thiết kế công trình - Chi nhánh Công ty tại TP.HCM; + Tháng 03/2006 ÷ 12/2009: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP.HCM + Tháng 01/2010 ÷ 01/2011: Giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP.HCM + Tháng 01/2011 ÷ 5/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP.HCM; + Tháng 06/2016 đến nay: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty | 20,261%, trong đó Đại diện Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam 20%, Cá nhân sở hữu 0,261% |
| 2 | Ông Nguyễn Hữu Hòa - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc - Ngày tháng năm sinh: 16/6/1956 - Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 012920494 cấp ngày 21/08/2013 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ, kỹ sư xây dựng công trình thủy - Tóm tắt quá trình công tác: + Tháng 12/1978 ÷ 11/1955: Kỹ sư thiết kế + Tháng 12/1955 ÷ 12/1998: Phó phòng Thiết kế Quy hoạch + Tháng 01/1999 ÷ 03/2002: Trưởng phòng Thiết kế Quy hoạch kiêm Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Tp.Hà Nội; + Tháng 04/2002 ÷ 2015: Phó Tổng giám đốc Công ty + Từ năm 2005 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty | 0,549% |

| | | |
|---|---|---|
| 3 | <p>Ông Lê Hữu Quảng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc - Ngày tháng năm sinh: 15/08/1979 - Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036079002807 cấp ngày 15/08/2019 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế đầu tư - Tóm tắt quá trình công tác: + Tháng 7/2001 ÷ 11/2004: Chuyên viên kinh tế, dự toán phòng Thiết kế Quy hoạch Chi nhánh Công ty tại Tp.Hà Nội + Tháng 11/2004 ÷ 01/2011: Phó phòng Kế hoạch vật tư + Tháng 01/2011 ÷ 4/2014: Trưởng phòng Kế hoạch vật tư + Tháng 4/2014 ÷ 10/2015: Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Kế hoạch vật tư + Tháng 10/2015 ÷ 4/2016: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch vật tư + Tháng 4/2016 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch vật tư | <p>29,137%, trong đó Đại diện Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam 29%, Cá nhân sở hữu 0,137%</p> |
| 4 | <p>Ông Lê Tấn Đạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc - Ngày tháng năm sinh: 08/12/1974 - Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001074004189 cấp ngày 26/03/2015 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công trình thủy - Tóm tắt quá trình công tác: + Tháng 8/1998 ÷ 01/2011: Kỹ sư thiết kế, Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Thiết kế Quy hoạch; + Tháng 01/2011 ÷ 7/2014: Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Trưởng phòng Thiết kế Quy hoạch; + Tháng 7/2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty | <p>0,275%</p> |
| 5 | <p>Ông Đinh Văn Ngọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc - Ngày tháng năm sinh: 30/4/1974 - Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 024636607 cấp ngày 19/10/2006 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cảng - đường thủy - Tóm tắt quá trình công tác: + Tháng 8/1995 ÷ 3/2006: Kỹ sư thiết kế, Trưởng phòng Thiết kế Chi nhánh Công ty tại Tp.HCM; + Tháng 4/2006 ÷ 5/2016: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Tp.HCM; + Tháng 5/2016 ÷ 01/2017: Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Tp.HCM; + Tháng 02/2017 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Tp.HCM | <p>0,357%</p> |

| | | |
|---|--|--------|
| 6 | <p>Ông Trần Hải Thanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Kế toán trưởng - Ngày tháng năm sinh: 02/10/1972 - Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 023860758 cấp ngày 07/11/2014 tại TP.HCM - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế. - Tóm tắt quá trình công tác: + Tháng 7/1993 ÷ 11/1993: Nhân viên P. Tài chính kế toán. + Tháng 11/1993 ÷ 04/2006: Trưởng kế toán Chi nhánh Công ty tại TP.HCM. + Tháng 04/2006 ÷ 10/2010: Ủy viên HĐQT, Phó trưởng phòng TCKT Công ty kiêm trưởng kế toán chi nhánh tại TP.HCM. + Tháng 10/2010 ÷ 6/2016: Ủy viên HĐQT, phó giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP.HCM. + Tháng 06/2016 đến nay: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty. | 0,534% |
|---|--|--------|

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không.

- Số lượng cán bộ, nhân viên (Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động)

+ Số lượng cán bộ, nhân viên (tính đến ngày 31/12/2019): 140 người

+ Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các Quy định của Nhà nước về lao động, tiền lương, bảo hiểm; thực hiện đúng thỏa ước lao động đã ký giữa người sử dụng lao động và tập thể người lao động

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư :

Tổng giá trị đầu tư trong năm 2019 (không gồm thuế GTGT): 5.086.041.491 đồng, chi tiết như sau:

- Công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị (không gồm thuế GTGT): 3.936.025.454 đồng
- Chi phí XDCB (không gồm thuế GTGT): 1.150.016.037 đồng

3.2. Các dự án đầu tư trong năm 2019

- Các dự án đầu tư chuyển tiếp từ năm 2018 sang:

Dự án thi công xây dựng cơ sở sản xuất Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình Hàng hải tại số 112 đường Lê Thánh Tông, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng: Đã khởi công quý II/2017. Đã hoàn thiện hồ sơ hoàn công, quyết toán công trình và đưa công trình vào sử dụng từ năm 2019.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết

| TT | Tên Công ty | Số lượng cổ phần sở hữu | Mệnh giá cổ phần | Vốn góp ban đầu | Vốn góp theo mệnh giá | Tỷ lệ sở hữu |
|----|---|-------------------------|------------------|-----------------|-----------------------|--------------|
| 1 | Công ty CP Đầu tư và tư vấn thiết kế Số Một | 75.000 cổ phần | 10.000 đồng/cp | 225.000.000 | 750.000.000 | 25% |

| | | | | | | |
|---|-------------------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|-------|
| 2 | Công ty CP Tân cảng 189 - Hải Phòng | 300.000 cổ phần | 10.000 đồng/cp | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 | 3% |
| 3 | Công ty CP Tân cảng Quy Nhơn | 100.000 cổ phần | 10.000 đồng/cp | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | 0,93% |
| 4 | Công ty CP Cảng Mỹ Thới An Giang | 187.000 cổ phần | 10.000 đồng/cp | 1.897.115.000 | 1.870.000.000 | 1,37% |
| | Tổng cộng | 662.000 cổ phần | 10.000 đồng/cp | 6.112.115.000 | 6.620.000.000 | |

Qua báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty liên kết và các công ty đầu tư góp vốn tiếp tục diễn biến thuận lợi, đạt kế hoạch lợi nhuận đề ra.

4. Tình hình tài chính năm 2019

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2018 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 329.534.566.362 | 295.401.889.108 | +11,55 |
| Doanh thu thuần | 100.079.719.756 | 94.048.439.335 | +6,41 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 25.116.870.057 | 23.416.269.864 | +7,26 |
| Lợi nhuận khác | 404.178.274 | 108.417.313 | +272,80 |
| Lợi nhuận trước thuế | 25.521.048.331 | 23.524.687.177 | +8,49 |
| Lợi nhuận sau thuế | 20.566.190.007 | 19.185.468.093 | +7,20 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 20%/VĐL | 21,91%/VĐL | |

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2018 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) | 0,47 | 1,06 | |
| <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán nhanh (lần) | 0,33 | 0,89 | |
| <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> | | | |
| <i>Nợ ngắn hạn</i> | | | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần) | 0,76 | 0,74 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần) | 3,09 | 2,90 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho (vòng) | 1,76 | 1,61 | |
| <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i> | | | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản (%) | 30,37% | 31,84% | |

| | | | |
|---|--------|--------|--|
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%) | 20,55% | 20,40% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%) | 25,51% | 25,33% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%) | 6,24% | 6,49% | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%) | 25,10% | 24,90% | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.004.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 4.004.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật & Điều lệ Công ty: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông:

| TT | Danh mục cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|----------|--|------------------|------------------|-------------|
| 1 | Cổ đông lớn, nhỏ | 219 | 4.004.000 | 100% |
| - | Cổ đông lớn (Tổng công ty Hàng hải Việt Nam) | 1 | 1.961.960 | 49% |
| - | Cổ đông nhỏ | 218 | 2.042.040 | 51% |
| 2 | Cổ đông tổ chức, cá nhân | 219 | 4.004.000 | 100% |
| - | Tổ chức trong nước (Tổng công ty Hàng hải Việt Nam) | 1 | 1.961.960 | 49% |
| - | Tổ chức nước ngoài | 0 | 0 | 0% |
| - | Cá nhân trong nước | 218 | 2.042.040 | 51% |
| - | Cá nhân nước ngoài | 0 | 0 | 0% |
| 3 | Cổ đông nhà nước, cổ đông khác | 219 | 4.004.000 | 100% |
| - | Cổ đông Nhà nước | 1 | 1.961.960 | 49% |
| - | Cổ đông khác | 218 | 2.042.040 | 51% |

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không giao dịch

5.5. Các chứng khoán khác: Không có giao dịch

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Khoa học công nghệ đóng vai trò tích cực trong việc bảo vệ môi trường, là nền tảng phát triển bền vững kinh tế, xã hội. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Hệ thống quản lý, xây dựng cơ chế, chính sách của Nhà nước luôn đảm bảo tính khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường. Công ty luôn lấy tiêu chí ứng dụng khoa học công nghệ, giải pháp công nghệ cao vào sản phẩm tư vấn cung cấp cho khách hàng, luôn hoạt động trong cơ chế quản lý của Nhà nước về bảo vệ môi trường đồng bộ với thể chế kinh tế thị trường.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bằng những nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã phát huy những điều kiện thuận lợi và vượt qua những khó khăn, thách thức thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà đại hội đồng cổ đông đã đề ra, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu đạt 118,101 tỷ đồng, bằng 105,05% so với thực hiện năm 2018, tăng 4,51% so với kế hoạch năm 2019.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 25,521 tỷ đồng, bằng 108,50% so với thực hiện năm 2018, tăng 6,34% so với kế hoạch năm 2019.
- Nộp ngân sách nhà nước năm 2019 là 18,684 tỷ đồng.
- Chi trả cổ tức dự kiến 20% vốn điều lệ.
- Đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định và các chế độ, chính sách cho người lao động.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 31/12/2019 |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| TỔNG TÀI SẢN | 295.401.889.108 | 329.534.566.362 |
| 1.Tài sản ngắn hạn | 232.527.928.153 | 116.495.173.537 |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền | 6.386.851.873 | 16.541.912.257 |
| - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 167.700.000.000 | 37.100.000.000 |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn | 21.881.795.833 | 27.206.611.293 |
| - Hàng tồn kho | 36.328.698.545 | 35.310.650.151 |
| - Tài sản ngắn hạn khác | 230.581.902 | 335.999.836 |
| 2.Tài sản dài hạn | 62.873.960.955 | 213.039.392.825 |
| - Các khoản phải thu dài hạn | 29.589.106.072 | 29.905.000.000 |
| - Tài sản cố định | 23.014.861.760 | 30.551.089.655 |
| - Tài sản dở dang dài hạn | 3.812.654.556 | 0 |
| - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 6.122.115.000 | 152.422.115.000 |
| - Tài sản dài hạn khác | 335.223.567 | 161.188.170 |

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Tại ngày 31/12/2018 | Tại ngày 31/12/2019 |
|--------------------|------------------------|------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | 219.669.619.855 | 248.918.308.721 |
| 1.Nợ ngắn hạn | 219.507.671.855 | 248.756.360.721 |
| 2.Nợ dài hạn | 161.948.000 | 161.948.000 |

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cơ cấu tổ chức: Cơ cấu tổ chức của công ty ngày càng tinh gọn hơn, duy trì đội ngũ nhân lực giỏi và tận tâm, góp phần cho sự phát triển ổn định của Công ty.

- Về chính sách, quản lý: Ban giám đốc luôn xây dựng và không ngừng hoàn thiện các chính sách của Công ty để tạo ra một môi trường làm việc ổn định, lành mạnh, góp phần mang lại hiệu quả cao cho công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì vị trí là đơn vị tư vấn hàng đầu trong lĩnh vực cảng – đường thủy, công trình hàng hải; nghiên cứu, bổ sung ngành nghề mới có liên quan, hỗ trợ cho lĩnh vực tư vấn chính trên nguyên tắc ổn định, có hiệu quả, giữ vững và thu hút được người lao động;

- Ổn định sản xuất kinh doanh, ổn định doanh thu, kinh doanh có lãi; vốn chủ sở hữu được bảo toàn, phát triển; đảm bảo quyền lợi của các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; thực hiện sản xuất, kinh doanh đúng quy định của pháp luật;

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019. Để có được kết quả kinh doanh năm qua là sự cố gắng không ngừng của toàn thể cán bộ nhân viên. Kết quả đạt được năm 2019 đã khẳng định được vị thế, thương hiệu trên thị trường đồng thời tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông.

Trách nhiệm với môi trường: Ưu tiên ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới, biện pháp thi công tiên tiến trong các sản phẩm tư vấn để giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường, đồng thời triển khai các hoạt động và chương trình tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân viên, người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2019, Hội đồng quản trị triển khai giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua các hình thức:

- Giám sát thông qua các báo cáo kết quả hoạt động hàng tháng, hàng quý
- Giám sát Ban điều hành trong các cuộc họp giao ban Công ty
- Giám sát thông qua các ý kiến đánh giá, kết luận của Ban kiểm soát về công tác quản trị điều hành của Ban điều hành và tình hình hoạt động của Công ty.

Kết quả giám sát: Ban điều hành Công ty đã có những cố gắng trong việc điều hành Công ty. Ban điều hành chỉ đạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao như: Điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty đạt được kế hoạch đã đề ra trong năm 2019.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở Nghị quyết đại hội đồng cổ đông hàng năm, HĐQT sẽ cùng với Ban điều hành đề ra các giải pháp tiếp cận, mở rộng thị trường; Tăng cường quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường, tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với các nhà đầu tư nước ngoài, liên doanh, liên kết với các đơn vị tư vấn có uy tín để tham gia thực hiện các dự án có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và khu vực; Nâng cao chất lượng nhân sự; Tiếp tục đầu tư, đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến tạo điều kiện môi trường làm việc tốt nhất nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng tư vấn, phấn đấu đạt được các chỉ tiêu tài chính doanh thu, lợi nhuận hàng năm cao hơn năm trước; Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước; Đảm bảo ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động; Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông; Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, thực hiện kinh doanh đúng pháp luật.

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán TTP, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán TTP:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2019

Đơn vị tính: Đồng

| TÀI SẢN | Mã số | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 116.495.173.537 | 232.527.928.153 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 16.541.912.257 | 6.386.851.873 |
| 1. Tiền | 111 | 16.541.912.257 | 6.386.851.873 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 37.100.000.000 | 167.700.000.000 |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 37.100.000.000 | 167.700.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 27.206.611.293 | 21.881.795.833 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 23.435.907.435 | 17.371.171.729 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 577.216.420 | 1.611.719.620 |
| 6. Các khoản phải thu khác | 136 | 13.764.795.133 | 15.504.243.000 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | (10.571.307.695) | (12.605.338.516) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 35.310.650.151 | 36.328.698.545 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 35.310.650.151 | 36.328.698.545 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 335.999.836 | 230.581.902 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 95.932.000 | 0 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 240.067.836 | 230.581.902 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 213.039.392.825 | 62.873.960.955 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | 29.905.000.000 | 29.589.106.072 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | 29.905.000.000 | 29.589.106.072 |
| II. Tài sản cố định | 220 | 30.551.089.655 | 23.014.861.760 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 30.083.693.655 | 22.913.861.427 |
| - Nguyên giá | 222 | 44.033.059.213 | 35.118.486.856 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | (13.949.365.558) | (12.204.625.429) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 467.396.000 | 101.000.333 |
| - Nguyên giá | 228 | 1.158.060.397 | 708.060.397 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | (690.664.397) | (607.060.064) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 0 | 3.812.654.556 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 0 | 3.812.654.556 |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 152.422.115.000 | 6.122.115.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | 225.000.000 | 225.000.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 5.897.115.000 | 5.897.115.000 |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | 146.300.000.000 | 0 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | 161.188.170 | 335.223.567 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 161.188.170 | 335.223.567 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 329.534.566.362 | 295.401.889.108 |

| NGUỒN VỐN | Mã số | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 248.918.308.721 | 219.669.619.855 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 248.756.360.721 | 219.507.671.855 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 2.122.659.997 | 1.409.883.706 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 211.337.538.788 | 187.272.985.372 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 3.213.998.713 | 2.433.070.292 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 26.924.974.265 | 23.781.503.736 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 1.500.651.223 | 737.019.860 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 373.769.221 | 387.760.493 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 3.282.768.514 | 3.485.448.396 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | 161.948.000 | 161.948.000 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | 161.948.000 | 161.948.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 80.616.257.641 | 75.732.269.253 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 80.616.257.641 | 75.732.269.253 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 40.040.000.000 | 40.040.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411B | 40.040.000.000 | 40.040.000.000 |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 20.010.067.634 | 16.506.801.160 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 20.566.190.007 | 19.185.468.093 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | 20.566.190.007 | 19.185.468.093 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 329.534.566.362 | 295.401.889.108 |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Đơn vị tính: Đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-----------------|----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 100.079.719.756 | 94.048.439.335 |
| 2. Các khoản giảm trừ | 02 | | |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | 100.079.719.756 | 94.048.439.335 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 63.063.079.859 | 55.208.874.241 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | 37.016.639.897 | 38.839.565.094 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 17.575.847.591 | 16.017.149.534 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 87.758 | |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 29.475.529.673 | 31.440.444.764 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)} | 30 | 25.116.870.057 | 23.416.269.864 |

| | | | |
|---|-----------|-------------------------|-------------------------|
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 15.561.573.313 | 16.008.784.008 |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i> | <i>30</i> | <i>(12.103.784.608)</i> | <i>(19.246.215.992)</i> |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (8.626.357.797) | (7.853.195.397) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | <i>(8.626.357.797)</i> | <i>(7.853.195.397)</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | 10.146.470.301 | (9.610.033.034) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 6.386.851.873 | 15.988.519.381 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 8.590.083 | 8.365.526 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 16.541.912.257 | 6.386.851.873 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Trung Kiên
Phạm Trung Kiên